

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình 6 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Thúc	Chủ tịch
Ông Phan Hồng Ngọc	Thành viên
Ông Phan Quốc Hiếu	Thành viên
Ông Lương Bá Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Hồng Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Thụy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Bá Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Tuấn	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Tô Văn Tuyền	Trưởng ban
Ông Đàm Anh Tú	Thành viên
Ông Lương Văn Tuyền	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Hồng Ngọc - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Phan Hồng Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Số: 102 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình 6

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình 6 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được đầy đủ về khả năng thu hồi giá trị gói thầu số 11 “Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biểu Nghi - Hạ Long”, tiểu dự án “Phả Lại - Hạ Long”, dự án “Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân” với khối lượng đã thi công hoàn thành giai đoạn 2 (chi tiết tại Thuyết minh số 35), ngoài ra một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu được đầy đủ và đánh giá khả năng thu hồi. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhằm thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu cũng như hàng tồn kho này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu và hàng tồn kho này hay không.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận doanh thu, giá vốn liên quan đến việc chuyển nhượng dự án Suối Đá Khiết cho đối tác (Thuyết minh số 24 Phần thuyết minh BCTC). Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ hồ sơ đối với hoạt động chuyển nhượng này, theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của giao dịch này đến báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2026-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.772.132.680	173.704.474.974
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.955.037.060	5.116.805.076
1. Tiền	111		17.955.037.060	5.116.805.076
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.183.793.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.183.793.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.876.515.027	112.432.239.138
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	103.942.772.967	115.047.302.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.212.753.651	2.088.055.045
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.798.754.821	3.645.070.314
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.077.766.412)	(8.348.189.010)
IV. Hàng tồn kho	140	10	47.846.811.925	54.682.175.364
1. Hàng tồn kho	141		49.923.180.776	55.674.450.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.076.368.851)	(992.274.664)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.768.668	289.462.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	93.768.668	76.081.815
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	-	213.380.581
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.341.774.777	17.318.010.162
I. Tài sản cố định	220		2.845.070.480	4.463.556.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.740.610.569	3.317.016.996
- Nguyên giá	222		67.810.665.775	69.813.984.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.070.055.206)	(66.496.967.036)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.104.459.911	1.146.539.915
- Nguyên giá	228		2.104.000.000	2.104.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(999.540.089)	(957.460.085)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	11.628.751.493
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	-	11.628.751.493
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.496.704.297	1.225.701.758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.496.704.297	1.225.701.758
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		187.113.907.457	191.022.485.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		115.759.439.573	125.027.837.703
I. Nợ ngắn hạn	310		113.875.232.276	122.309.302.730
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	68.646.276.165	74.610.727.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	18.914.900.874	15.747.042.093
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.616.856.168	2.018.963.303
4. Phải trả người lao động	314	18	4.252.425.634	4.864.483.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		53.269.596	78.686.190
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		310.636.364	392.536.363
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	269.317.779	881.280.678
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	19.734.907.396	23.638.940.678
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		76.642.300	76.642.300
II. Nợ dài hạn	330		1.884.207.297	2.718.534.973
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	1.884.207.297	2.718.534.973
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.354.467.884	65.994.647.433
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	71.354.467.884	65.994.647.433
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.080.780.000	61.080.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.080.780.000	61.080.780.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(23.190.000)	(23.190.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.370.231.737	5.370.231.737
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.926.646.147	(433.174.304)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(433.174.304)	(2.717.334.319)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.359.820.451	2.284.160.015
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		187.113.907.457	191.022.485.136



Phan Hồng Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Phan Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thanh Mai
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	140.334.969.576	168.375.450.321
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	24	140.334.969.576	168.375.450.321
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	122.918.467.732	154.900.667.351
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.416.501.844	13.474.782.970
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	283.952.124	24.487.770
6. Chi phí tài chính	22	28	2.489.076.612	2.587.445.432
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.487.831.200	2.583.693.761
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	9.346.015.510	8.951.834.670
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		5.865.361.846	1.959.990.638
9. Thu nhập khác	31	30	834.327.676	324.169.377
10. Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		834.327.676	324.169.377
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.699.689.522	2.284.160.015
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.339.869.071	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		5.359.820.451	2.284.160.015
14. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	878	374



Phan Hồng Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Phan Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thanh Mai
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.699.689.522	2.284.160.015
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.618.486.431	1.803.377.467
- Các khoản dự phòng	03	(5.020.656.087)	162.732.973
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(31.760)	(73.619)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.236.987.052)	(310.774.517)
- Chi phí lãi vay	06	2.487.831.200	2.583.693.761
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.548.332.254	6.523.116.080
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	15.805.827.549	(22.645.646.780)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	5.751.269.252	9.570.099.227
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.844.489.649)	730.216.308
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(288.689.392)	(37.673.144)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.513.247.794)	(2.899.874.066)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	14.670.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.459.002.220	(8.745.092.375)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(42.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	324.169.377
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	283.231.286	24.487.770
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	283.231.286	306.157.147
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.794.907.396	18.771.940.678
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.698.940.678)	(14.801.188.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.904.033.282)	3.970.752.583
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	12.838.200.224	(4.468.182.645)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.116.805.076	9.584.914.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	31.760	73.619
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.955.037.060	5.116.805.076



Phan Hồng Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Phan Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thanh Mai
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình 6 (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 4446/QĐ - BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 09 năm 2003. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, thông tin chi nhánh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 01 đến lần thứ 13 ngày 05 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 36, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 85 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 100 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Cho thuê nhà kho, nhà xưởng sản xuất;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn;

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường sắt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Xí nghiệp Công trình 601	Tổ 36, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Công trình 605	Tổ 36, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp	Tổ 36, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Vật liệu - Xây dựng Tháp Chàm	Phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong sổ dư hàng tồn kho phản ánh chi phí các công trình Công ty đang thực hiện dở dang, chưa hoàn thành tại thời điểm cuối năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được hạch toán giảm, khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí công ty chi ra cho dự án đầu tư mỏ đá Suối Kiết - tỉnh Bình Thuận, ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh tới thời điểm báo cáo.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 01 đến 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện theo dõi tiền đường trực dân góp trên phải trả người bán ngắn hạn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng được trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm. Tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về quy mô, tính chất, thời gian thực hiện bảo hành,... của từng công trình.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi Công trình dự án được Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, hợp đồng xây dựng được thanh lý thì toàn bộ doanh thu và chi phí thực hiện của công trình dự án được phản ánh đầy đủ và chính xác trên sổ sách kế toán Công ty. Đối với công trình dự án lớn kéo dài nhiều năm, nhiều kỳ thanh toán theo giai đoạn Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu căn cứ trên giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo từng hồ sơ thanh toán. Chi phí liên quan được xác định và kết chuyển tương ứng với doanh thu ghi nhận trên cơ sở phân bổ theo dự toán chi phí của từng hạng mục/công trình.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.556.110	170.100.222
Tiền gửi ngân hàng	17.936.480.950	4.946.704.854
Cộng	17.955.037.060	5.116.805.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án đường sắt Bộ Giao thông Vận tải (i)	16.854.634.776	21.167.496.405
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	14.038.730.188	10.573.198.291
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN	12.440.539.392	10.423.030.874
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Công trình 3	9.877.172.473	9.469.468.744
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	6.449.078.009	3.617.278.342
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	4.562.031.077	8.536.785.802
Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	4.436.543.800	8.756.961.931
Đối tượng khác	35.284.043.252	42.503.082.400
Cộng	<u>103.942.772.967</u>	<u>115.047.302.789</u>

Ghi chú:

- (i) Bao gồm số dư phải thu của Gói thầu số 11: Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghi - Hạ Long với giá trị 12.653.913.689 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 35).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Linh Hà	2.403.057.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Tiến	2.390.000.000	-
Công ty TNHH Tâm Bảo Khang	2.322.499.842	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng 68	1.064.199.858	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xây dựng Công trình MHT	-	745.800.000
Các đối tượng khác	2.032.996.951	1.342.255.045
Cộng	<u>10.212.753.651</u>	<u>2.088.055.045</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng	5.677.097.483	3.148.847.795
Phải thu khác	121.657.338	496.222.519
Cộng	<u>5.798.754.821</u>	<u>3.645.070.314</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (Công trình gói thầu xây lắp VNR-WB4-12: Cải tạo hệ thống thoát nước ga Huế) (i)	6.743.041.606	3.900.753.628	6.743.041.606	3.900.753.628
Công ty Cổ phần Thương mại NHP Tiến Lộc	-	-	4.348.108.082	-
Công ty Cổ phần DAP số 2 (ii)	1.181.441.974	945.963.540	1.181.441.974	945.963.540
Công ty Cổ phần Xây dựng Anh Bình An	-	-	922.314.516	-
Cộng	7.924.483.580	4.846.717.168	13.194.906.178	4.846.717.168

Ghi chú:

Gói thầu WB4 và DAP2 là gói thầu liên doanh do Công ty đứng đầu liên doanh. Phần khối lượng có thể thiết hại nếu không thu hồi được thuộc trách nhiệm Công ty đã trích lập dự phòng đủ 100%. Phần khối lượng và vật tư của nhà thầu khác theo thỏa thuận nếu không thu hồi được từ chủ đầu tư, Công ty không có trách nhiệm thanh toán khoản khối lượng, vật tư thuộc nhà thầu khác trong liên doanh.

- (i) Gói thầu xây lắp VNR-WB4-12 bao gồm phần khối lượng thực hiện của Công ty Cổ phần Công trình 3 với giá trị 576.328.987 VND và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đường sắt với giá trị 3.324.424.641 VND.
- (ii) Gói thầu số 09 “Cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây lắp, chạy thử đường sắt, bãi xếp dỡ hàng trong nhà máy” bao gồm phần vật tư cung cấp, khối lượng thực hiện của Công ty Cổ phần Công trình Long Hưng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Bình Nam và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Virasimex với giá trị lần lượt là 148.152.920 VND, 217.642.000 VND và 580.168.620 VND.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.158.465.922	-	5.862.089.198	-
Công cụ, dụng cụ	106.706.021	-	196.160.442	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	26.565.393.161	(2.076.368.851)	35.895.091.546	(992.274.664)
Thành phẩm	15.092.615.672	-	13.721.108.842	-
Cộng	49.923.180.776	(2.076.368.851)	55.674.450.028	(992.274.664)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Chi tiết công trình:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công trình giao thông số 11 cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghị - Hạ Long	14.108.113.593	-	14.108.113.593	-
Công trình Đường Ngang Ninh Bình	4.075.221.785	-	-	-
Công trình giao thông Đường ga Kép	3.168.897.151	(2.076.368.851)	3.168.897.151	(992.274.664)
Công trình Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến qua đèo Mimoso và một số công trình trên QL 20, tỉnh Lâm Đồng	865.044.844	-	4.168.142.103	-
Sửa chữa dự án đường sắt đoạn từ Km 340+500 - Km 343+800 tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	5.194.727.592	-
Xây dựng đường vành đai 3 đoạn qua huyện Hóc Môn, hạng mục Khoan cọc nhồi từ trụ T10 đến T19 và Hai Mố cầu vượt QL 22	-	-	3.956.551.564	-
Công trình gói thầu số 11A	-	-	1.212.919.533	-
Các công trình khác	4.348.115.788	-	4.085.740.010	-
Cộng	26.565.393.161	(2.076.368.851)	35.895.091.546	(992.274.664)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	93.768.668	76.081.815
Cộng	93.768.668	76.081.815
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.496.704.297	1.225.701.758
Cộng	1.496.704.297	1.225.701.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải trả đầu năm	Số phải nộp/ phải thu trong năm	Số đã thực nộp/ thực thu trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải trả cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.018.963.303	2.226.577.522	3.770.647.211	-	474.893.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.000.000	-	1.339.869.071	-	-	1.139.869.071
Thuế thu nhập cá nhân	13.380.581	-	231.084.293	215.610.229	-	2.093.483
Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp	-	-	1.657.384.997	1.657.384.997	-	-
Thuế môn bài, thuế trước bạ	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.736.076	2.736.076	-	-
Cộng	213.380.581	2.018.963.303	5.466.651.959	5.655.378.513	-	1.616.856.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	19.278.315.491	34.966.129.981	10.777.336.171	710.078.871	4.082.123.518	69.813.984.032
- Giảm khác (i)	(394.240.995)	(692.349.524)	(802.081.375)	(114.646.363)	-	(2.003.318.257)
Số dư cuối năm	18.884.074.496	34.273.780.457	9.975.254.796	595.432.508	4.082.123.518	67.810.665.775
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	18.558.144.762	33.358.455.176	10.462.999.410	563.022.143	3.554.345.545	66.496.967.036
- Khấu hao trong năm	299.647.008	893.361.830	198.355.801	43.801.872	141.239.916	1.576.406.427
- Giảm khác (i)	(394.240.995)	(692.349.524)	(802.081.375)	(114.646.363)	-	(2.003.318.257)
Số dư cuối năm	18.463.550.775	33.559.467.482	9.859.273.836	492.177.652	3.695.585.461	66.070.055.206
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	720.170.729	1.607.674.805	314.336.761	147.056.728	527.777.973	3.317.016.996
Tại ngày cuối năm	420.523.721	714.312.975	115.980.960	103.254.856	386.538.057	1.740.610.569

Ghi chú:

- (i) Công ty ghi giảm giá trị các tài sản cố định đã hết khấu hao và không còn sử dụng theo các Quyết định ghi giảm tài sản cố định không có giá trị thu hồi trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 52.488.018.362 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 52.920.609.346 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay là 653.047.435 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.612.369.966 VND). Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Tổng cộng	
	VND		VND	
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.104.000.000		2.104.000.000	
Số dư cuối năm	2.104.000.000		2.104.000.000	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	957.460.085		957.460.085	
- Khấu hao trong năm	42.080.004		42.080.004	
Số dư cuối năm	999.540.089		999.540.089	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.146.539.915		1.146.539.915	
Tại ngày cuối năm	1.104.459.911		1.104.459.911	

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (i)	19.357.826.151	19.357.826.151	16.178.880.686	16.178.880.686
Công ty Cổ phần Cơ khí Cầu đường Hà Ninh	14.078.779.810	14.078.779.810	12.331.878.796	12.331.878.796
Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	5.648.500.000	5.648.500.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	4.591.544.933	4.591.544.933	4.591.544.933	4.591.544.933
Các đối tượng khác	30.618.125.271	30.618.125.271	35.859.923.292	35.859.923.292
Cộng	68.646.276.165	68.646.276.165	74.610.727.707	74.610.727.707

Ghi chú:

- (i) Bao gồm số dư phải trả của Gói thầu số 11: Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghi - Hạ Long với giá trị 15.068.864.044 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 35).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án mỏ đá Suối Kiết	-	-	11.628.751.493	11.628.751.493
Cộng	-	-	11.628.751.493	11.628.751.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban Quản Lý Dự Án 85	10.904.703.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Phương Thành	4.900.123.807	-
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình	1.300.000.000	-
Công ty TNHH Phan Thiết Hoà Xa	-	11.900.000.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	-	1.304.113.337
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kinh doanh và Dịch vụ Hải Nam (Công trình Khôi phục, sửa chữa đường sắt số 3A và xây dựng bãi hàng Ga Kép)	1.092.528.300	1.092.528.300
Các đối tượng khác	717.545.767	1.450.400.456
Cộng	<u>18.914.900.874</u>	<u>15.747.042.093</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Xí nghiệp Công trình 601	1.648.803.501	2.667.251.860
Xí nghiệp Công trình 605	341.049.292	472.665.424
Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp	1.059.587.830	690.680.513
Xí nghiệp Vật liệu - Xây dựng Tháp Chàm	26.908.484	253.973.500
Văn phòng Công ty	1.176.076.527	779.912.121
Cộng	<u>4.252.425.634</u>	<u>4.864.483.418</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	34.220.736	37.810.596
Phải trả do chấm dứt hợp đồng lao động	106.339.413	106.339.413
Các khoản phải trả khác	128.757.630	737.130.669
Cộng	<u>269.317.779</u>	<u>881.280.678</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Anh (i)	11.394.907.396	11.394.907.396	11.394.907.396	16.958.940.678	16.958.940.678	16.958.940.678
Vay cá nhân (ii)						
Ông Nguyễn Văn Phóng	430.000.000	430.000.000	-	-	430.000.000	430.000.000
Ông Bùi Mạnh Hải	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Hạnh	350.000.000	350.000.000	-	-	350.000.000	350.000.000
Bà Phan Thị Thanh Hải	1.500.000.000	1.500.000.000	900.000.000	-	600.000.000	600.000.000
Ông Lại Văn Quán	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Lê Thị Hải Yến	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	1.260.000.000	1.260.000.000	1.500.000.000	740.000.000	500.000.000	500.000.000
Bà Lê Hà Trang	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	19.734.907.396	19.734.907.396	13.794.907.396	17.698.940.678	23.638.940.678	23.638.940.678

Ghi chú

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/153713/HĐTD ngày 24 tháng 09 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh (Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh bảo hành công trình) năm 2025 - 2026 với số tiền hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND (Chín mươi tỷ đồng). Trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn (Vay vốn lưu động, bảo lãnh mở LC, bảo lãnh thanh toán) là 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng). Thời hạn vay tối đa là 12 tháng nhưng tối đa không vượt quá ngày 30 tháng 09 năm 2026, lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") cho từng khoản vay cụ thể theo từng kỳ hạn vay được công bố tại thời điểm vay, lãi suất được điều chỉnh theo chính sách của BIDV áp dụng trên hệ thống.

Các khoản vay tín dụng ngắn hạn được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản, máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/153713/HĐBĐBS ngày 12 tháng 09 năm 2023 và Biên bản định giá tài sản ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị định giá năm 2025 là 21.261.559.160 VND. Ngoài số tài sản trên, Công ty còn ký hợp đồng sử dụng tài sản và bất động sản của cá nhân (Ký hợp đồng ba bên: Cá nhân - Ngân hàng - Công ty Cổ phần Công trình 6) để làm tài sản đảm bảo cho việc Ngân hàng phát hành thư Bảo lãnh (Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành công trình) với tổng giá trị là 42.176.000.000 VND (Kỳ định giá năm 2025) gồm Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2023/153713/HĐBĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2022/153713/HĐBĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/153713/HĐBĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Khoản vay các cá nhân, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và theo nhu cầu vay từng thời kỳ, Tổng Giám đốc ký các hợp đồng vay cụ thể để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay, lãi suất theo thỏa thuận, khoản vay này không có tài sản đảm bảo nên lãi suất thường cao hơn lãi suất vay vốn Ngân hàng cùng kỳ từ 1% - 3% nhưng lãi suất không vượt quy định của Nhà nước để tính chi phí hợp lý tính thuế (Vay tín chấp).

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	639.143.229	1.131.447.159
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.245.064.068	1.587.087.814
Cộng	1.884.207.297	2.718.534.973

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư đầu năm trước	61.080.780.000	(23.190.000)	5.370.231.737	(3.351.730.030)	63.076.091.707
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.284.160.015	2.284.160.015
Tăng khác	-	-	-	634.395.711	634.395.711
Số dư đầu năm nay	61.080.780.000	(23.190.000)	5.370.231.737	(433.174.304)	65.994.647.433
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.359.820.451	5.359.820.451
Số dư cuối năm nay	61.080.780.000	(23.190.000)	5.370.231.737	4.926.646.147	71.354.467.884

Vốn điều lệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	9.704.330.000	9.704.330.000
Phan Quốc Hiếu	13.003.050.000	13.003.050.000
Các đối tượng khác	38.373.400.000	38.373.400.000
Cộng	61.080.780.000	61.080.780.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.080.780.000	61.080.780.000
- Vốn góp đầu năm	61.080.780.000	61.080.780.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	61.080.780.000	61.080.780.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.108.078	6.108.078
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6.108.078	6.108.078
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	2.319	2.319
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.105.759	6.105.759
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.370.231.737	5.370.231.737

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ (USD)	18,94	45,34

Nợ khó đòi đã xử lý

<u>Đối tượng</u>	<u>Lý do xử lý</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
		VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Xuân Lộc Phát	Nợ không thể thu hồi	1.346.651.400	1.346.651.400
Công ty Cổ phần Thương mại NHP Tiến Lộc	Nợ không thể thu hồi	4.348.108.082	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Anh Bình An	Nợ không thể thu hồi	922.314.516	-
Công ty Đường bộ 230	Công ty đã dừng hoạt	503.033.000	503.033.000
Công ty TNHH Khai thác đá Kiện Khê	Nợ không thể thu hồi	551.331.750	551.331.750
Công ty TNHH Trờng Phước Lộc	Công ty đã dừng hoạt	566.381.835	566.381.835
Tổng đội thanh niên xung phong Đà Nẵng	Nợ không thể thu hồi	963.766.356	963.766.356
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Đầu	Nợ không thể thu hồi	3.579.130.833	3.579.130.833
Các đối tượng còn lại	Nợ không thể thu hồi	2.290.850.003	2.290.850.003

Tài sản nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản nhận giữ hộ từ Ban Quản lý Dự án Đường sắt RPMU tại Xí nghiệp VLXD Đông Anh là 28.560 thanh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 28.560 thanh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu sản xuất phục vụ hoạt động xây lắp	49.400.683.740	61.313.083.823
Doanh thu hoạt động xây lắp	82.752.467.655	107.062.366.498
Doanh thu hoạt động khác (i)	8.181.818.181	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>140.334.969.576</u>	<u>168.375.450.321</u>

Ghi chú:

- (i) Công ty tạm ghi nhận doanh thu và kết chuyển chi phí xây dựng của dự án trên cơ sở thực tế hiện nay, dự án đã được đưa vào khai thác và bán sản phẩm ra thị trường. Theo hợp đồng chuyển nhượng và Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án với các đối tác phần lợi ích của Công ty cổ phần công trình 6 là 9.000.000.000 đ (Chín tỷ đồng). Liên quan đến dự án tính đến ngày 31/12/2025, Công ty TNHH Phan Thiết Hòa Xa đã thanh toán cho Công ty số tiền 11,9 tỷ đồng (trong đó bao gồm 5,4 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác mà Công ty Phan Thiết Hòa Xa chuyển tiền về để Công ty cổ phần công trình 6 nộp hộ) phần còn lại là tiền thanh toán cho việc thực hiện chuyển nhượng dự án. Công ty đang tiếp tục phối hợp với đối tác để hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết nhằm hoàn tất việc chuyển nhượng dự án theo quy định và thu hết số tiền chuyển nhượng theo hợp đồng đã ký.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất phục vụ hoạt động xây lắp	40.202.488.139	50.082.171.035
Giá vốn hoạt động xây lắp	76.487.228.100	104.818.496.316
Giá vốn hoạt động khác (i)	6.228.751.493	-
Cộng	<u>122.918.467.732</u>	<u>154.900.667.351</u>

Ghi chú:

- (i) Chi tiết tại Thuyết minh số 24 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.992.227.984	75.683.193.232
Chi phí nhân công	23.879.597.203	30.581.748.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.618.486.431	1.803.377.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.629.578.407	31.986.729.989
Cộng	<u>115.119.890.025</u>	<u>140.055.048.809</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	283.920.364	24.414.151
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.760	73.619
Cộng	<u>283.952.124</u>	<u>24.487.770</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.487.831.200	2.583.693.761
Chi phí tài chính khác	1.245.412	3.751.671
Cộng	<u>2.489.076.612</u>	<u>2.587.445.432</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.207.367.946	2.694.081.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	391.094.556	391.094.556
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.747.553.008	5.866.658.750
Cộng	<u>9.346.015.510</u>	<u>8.951.834.670</u>

30. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thanh lý vật tư, tài sản cố định	-	286.360.366
Các khoản khác	834.327.676	37.809.011
Cộng	<u>834.327.676</u>	<u>324.169.377</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.699.689.522	2.284.160.015
Thu nhập tính thuế	6.699.689.522	2.284.160.015
Lỗ các năm trước chuyển sang	344.166	2.284.160.015
Thu nhập chịu thuế	6.699.345.356	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo thuế suất 20%	1.339.869.071	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.339.869.071</u>	<u>-</u>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính sau khi đã điều chỉnh các khoản như trình bày bên trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.359.820.451	2.284.160.015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.359.820.451	2.284.160.015
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.105.759	6.105.759
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	878	374

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty tập trung chủ yếu trong địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp	Sản xuất phục vụ cho hoạt động xây lắp	Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND	VND
Năm nay			
Doanh thu thuần	82.752.467.655	57.582.501.921	140.334.969.576
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.265.239.555	11.151.262.289	17.416.501.844
Chi phí không phân bổ			9.346.015.510
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.070.486.334
Doanh thu từ các khoản đầu tư			283.952.124
Lãi khác			834.327.676
Chi phí tài chính			2.489.076.612
Lợi nhuận trước thuế			6.699.689.522
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			1.339.869.071
Lợi nhuận trong năm			5.359.820.451
Năm trước			
Doanh thu thuần	107.062.366.498	61.313.083.823	168.375.450.321
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.243.870.182	11.230.912.788	13.474.782.970
Chi phí không phân bổ			8.951.834.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.522.948.300
Doanh thu từ các khoản đầu tư			24.487.770
Lãi khác			324.169.377
Chi phí tài chính			2.587.445.432
Lợi nhuận trước thuế			2.284.160.015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Lợi nhuận trong năm			2.284.160.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của thành viên chủ chốt:

Thành viên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Phạm Văn Thúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	399.365.892	402.181.638
Ông Phan Hồng Ngọc	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	419.444.346	409.590.893
Ông Phan Quốc Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị	126.000.000	30.000.000
Ông Lương Bá Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	389.520.339	405.964.042
Ông Trịnh Văn Thụy	Phó Tổng Giám đốc	259.638.416	321.355.082
Ông Nguyễn Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc	307.254.807	348.871.699
Ông Phan Anh Tuấn	Kế toán trưởng	314.689.665	305.226.200
Ông Tô Văn Tuyền	Trưởng Ban kiểm soát	238.733.939	230.698.194
Ông Lương Văn Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	177.931.135	184.718.626
Ông Đàm Anh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	192.002.457	180.955.992

35. THÔNG TIN KHÁC

Gói thầu số 11: Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghi - Hạ Long

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Công trình 6 là đơn vị đứng đầu Liên danh gói thầu số 11 "Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghi - Hạ Long", tiểu dự án "Phả Lại - Hạ Long", dự án "Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân" với khối lượng đã thi công hoàn thành giai đoạn 2 được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt giá trị điều chỉnh tại Quyết định số 4267/QĐ-BGTVT là 31.451.192.932 VND. Tuy nhiên, dự án này tạm dừng thực hiện từ cuối năm 2017, chưa được Nhà nước bố trí vốn thanh toán (Đại diện là Ban Quản lý Dự án RPMU1 - Bộ Giao thông Vận tải), cụ thể các số liệu liên quan đến dự án như sau:

- Công nợ phải thu Ban Quản lý Dự án RPMU1 - Bộ Giao thông Vận tải của dự án này (Thuyết minh số 6 trên đây) là 12.653.913.689 VND (Nếu Nhà nước ghi vốn cho dự án Công ty còn được thu từ Ban Quản lý Dự án RPMU1 thêm khoảng trên 17 tỷ VND khối lượng đã thực hiện);
- Chi phí công trình dở dang là 14.108.113.593 VND (Thuyết minh số 10 trên đây), trong đó phần giá trị Công ty tự thực hiện là 905.617.229 VND và phần giá trị do nhà thầu liên doanh (Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3) thực hiện là 13.202.496.364 VND;
- Công nợ phải trả nhà thầu liên danh khi được chủ đầu tư thanh toán vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (Thuyết minh số 16 trên đây) là 15.068.864.044 VND.



Phan Hồng Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Phan Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thanh Mai
Người lập biểu

**CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6**

Số: 31 /CT6-TCKT

V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

- Kính gửi:
- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - Cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình 6.

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ công văn số 82/CT6-KHDA ngày 14/06/2017 của Công ty Cổ phần Công trình 6 về việc ký phụ lục và hồ sơ thanh toán gói thầu số 11 CTNC đường sắt đoạn Biều Nghi – Hạ Long; Căn cứ công văn số 878/BQLDAĐS-DA1 ngày 14/06/2017 của Ban Quản lý dự án Đường sắt về việc Trả lời văn bản số 82/CT6-KHDA ngày 14/06/2017; Căn cứ công văn số 41/CT6-KHDA ngày 04/03/2020 của Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Công trình 6 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 ngày 04/03/2020 về việc Thanh toán giá trị thi công gói thầu số 11 Tiểu dự án Phả Lại – Hạ Long; Căn cứ công văn số 513/BQLDAĐS-DA1 ngày 23/3/2020 của Ban Quản lý dự án Đường sắt về việc Trả lời văn bản số 41/CT6-KHDA ngày 04/03/2020 của nhà thầu về gói thầu số 11 thuộc Tiểu dự án Phả Lại – Hạ Long;

Căn cứ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình 6 về chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư khai thác Mỏ đá Suối Kiết huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận từ các năm 2017 đến nay; Căn cứ Hợp đồng số 06/HĐ-PTHX&CT6 ngày 22 tháng 05 năm 2020 về việc chuyển nhượng dự án mỏ đá Suối Kiết- Công ty TNHH MTV đá Suối Kiết và các phụ lục hợp đồng kèm theo; Căn cứ Hợp đồng góp vốn đầu tư dự án mỏ đá xây dựng Núi Kiết, xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận số 08/HĐTT-GVĐT/ĐSK.2023 ngày 05 tháng 09 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng; Đến nay thực tế công tác đầu tư đã hoàn thành và đang khai thác đưa sản phẩm ra thị trường nhưng về thủ tục hồ sơ chưa hoàn thiện, và đầy đủ tính pháp lý của việc chuyển nhượng dự án.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình 6. Công ty cổ phần công trình 6 giải trình ý kiến ngoại trừ của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 do Công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện như sau:

1). Về ý kiến ngoại trừ các số liệu liên quan đến gói thầu số 11 “Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghi - Hạ Long”, tiểu dự án “Phả Lại - Hạ Long”, dự án “Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân” :

Công ty Cổ phần Công trình 6 trúng thầu, ký hợp đồng thi công xây dựng số 05/HĐ-XD ngày 24/03/2011 và các Phụ lục hợp đồng giữa Ban Quản lý dự án Đường sắt – Liên danh Công ty Cổ phần Công trình 6 – Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Công trình 3 về việc: Thi công gói thầu số 11 “Cải tạo nâng cấp đường sắt đoạn Biều Nghi – Hạ Long (Km 105+200-Km 124+483) và thiết kế bản vẽ thi công”.

Ngay sau khi được bàn giao mặt bằng và có lệnh khởi công công trình giai đoạn 1 và giai đoạn 2, Liên danh nhà thầu đã chủ động thi công đảm bảo chất lượng, khối lượng và tiến độ thi công. Liên danh nhà thầu đã thi công hoàn thành toàn bộ khối lượng. Theo Quyết định số 3918/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2016 của Bộ GTVT (nay là Bộ XD) về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán (Giai đoạn 1 là: 19.793.755.378 đồng) và Quyết định số 4267/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ GTVT về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán (Giai đoạn 2 là: 31.451.192.932 đồng) với tổng giá trị dự toán điều chỉnh cả 2 giai đoạn là 51.244.948.310 đồng.

Kể từ khi thi công hoàn thành toàn bộ khối lượng công trình giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (năm 2017). Ban Quản lý dự án Đường sắt - Bộ GTVT chưa bố trí được nguồn vốn thanh toán cho gói thầu. Liên danh nhà thầu đã nhiều lần đề nghị Chủ đầu tư “tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng” và thanh quyết toán khối lượng đã thi công hoàn thành nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thanh toán nên chưa thực hiện được việc ký phụ lục hợp đồng, tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng và thực hiện ký hồ sơ thanh quyết toán công trình cho nhà thầu. Đến nay, Liên danh nhà thầu vẫn đang phải chịu trách nhiệm bảo quản và đảm bảo an toàn chạy tàu và không xác định được thời gian Chủ đầu tư bố trí được nguồn vốn thanh toán cho gói thầu này (nếu Chủ đầu tư bố trí được nguồn vốn Công ty Cổ phần Công trình 6 còn được thanh toán số tiền trên 17 tỷ đồng). Hiện nay, trên hệ thống sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Công trình 6 (năm 2025) đang phản ánh chi phí dở dang của gói thầu này là 14.108.113.593 đồng, khoản nợ Chủ đầu tư phải trả cho Liên danh nhà thầu là 15.068.864.044 đồng, khoản phải thu của gói thầu là 12.653.913.689 đồng (tạm hạch toán).

2). Về việc tạm ghi nhận Doanh thu và chi phí chuyển nhượng dự án dự án đầu tư khai thác Mỏ đá Suối Kiết huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Công ty cổ phần công trình 6 được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cũ (Nay là tỉnh Lâm Đồng) cấp phép đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng tại “Mỏ đá Suối Kiết” từ các năm 2017. Quá trình đầu tư công ty gặp khó khăn về tài chính nên không thể thực hiện được mà phải kêu gọi đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc phải chuyển nhượng dự án cho đối tác khác. Để thực hiện dự án Công ty phải thực hiện ký hợp đồng hợp tác đầu tư theo đề nghị của đối tác để họ huy động vốn đầu tư tiếp. Cụ thể công ty ký Hợp đồng số 06/HĐ-PTHX&CT6 ngày 22/05/2020 chuyển nhượng “ Quyền được chuyển nhượng dự án ” với giá trị được hưởng là 9.000.000.000 đ(Chín tỷ đồng) và hợp đồng 08/HĐTT-GVĐT/ĐSK.2023 ngày

05 tháng 09 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng để đối tác thực hiện. Đến nay thực tế công tác đầu tư đã hoàn thành và đang khai thác nhưng về thủ tục hồ sơ chưa hoàn thiện. Tuy nhiên đối tác đã thanh toán cho Công ty cổ phần công trình 6 là 6.650.000.000 đ (Sáu tỷ sáu trăm năm trăm triệu đồng). Để phản ánh trên sổ sách kế toán kịp thời và đúng tiến độ bản chất kinh tế Phòng tài chính đã báo cáo Hội đồng quản trị công ty và đề nghị tạm hạch toán kế toán phần Doanh thu và chi phí do công ty đầu tư thực hiện dự án;

Từ các nguyên nhân nêu trên Công ty cổ phần công trình 6 chấp thuận cho Công ty TNHH kiểm toán VACO phát hành Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 có ý kiến ngoại trừ.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT (thay b/c);
- Các TV BKS (thay b/c);
- Lưu: VT, Phòng TCKT.

(Đính kèm các văn bản số 82/CT6-KHDA ngày 14/06/2017; số 41/CT6-KHDA ngày 04/03/2020; số 878/BQLDAĐS - DA1 ngày 14/06/2017; số 513/BQLDAĐS -DA1 ngày 23/3/2020).Tờ trình tạm hạch toán doanh thu chi phí đầu tư dự án



Phan Hồng Ngọc